TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/DS-ST
Ngày 26 – 4 – 2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Thanh Liêm.
2. Ông Huỳnh Minh Bền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị N, sinh năm 1960 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1976 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp X, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Huỳnh Văn Tr, sinh năm 1953 (có mặt). Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

- *Người làm chứng:*
1. Chị Trần Thúy P, sinh năm 1974 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.
2. Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1965 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị N trình bày: Bà có cho bà Huỳnh Thị T vay nhiều lần, cụ thể:

Vào ngày 16/4/2016 âm lịch bà có cho bà Huỳnh Thị T vay số tiền 8.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, mỗi tháng bà T đóng 240.000đ tiền lãi, bà T có đóng lãi được 04 tháng với số tiền 960.000đ.

Vào ngày 25/5/2016 âm lịch bà có cho bà Huỳnh Thị T vay thêm số tiền 5.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, mỗi tháng đóng 150.000đ tiền lãi, bà T có đóng lãi được 02 tháng với số tiền 300.000đ.

Vào ngày 16/8/2016 âm lịch bà có cho bà Huỳnh Thị T vay thêm số tiền 2.000.000đ, số tiền này bà T không có đóng lãi.

Tổng cộng bà T vay của bà vốn 15.000.000đ. Khi cho vay không làm biên nhận, khi giao tiền không có mặt ai khác ngoài bà và bà T, sau đó bà có kể lại cho những người hàng xóm biết như bà Sáu S, bà ba H, vợ chồng Đ, H.

Nay bà yêu cầu bà Huỳnh Thị T trả lại cho bà số tiền vốn 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng). Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:* Bà xác định bà không giao dịch vay mượn tiền với bà N nên nay bà N yêu cầu bà trả tổng số tiền 15.000.000đ, bà không đồng ý, bà N cho bà vay số tiền lớn phải có giấy tờ. Bà xác định trước đây bà có vay tiền của ông Huỳnh Văn Tr (chồng bà N) 10.000.000đ, không nhớ ngày tháng vay, lãi suất 10%, khi vay không có làm biên nhận. Quá trình vay bà đã trả tiền vốn 7.000.000đ (01 lần 5.000.000đ, 01 lần 2.000.000đ) và tiền lãi cho ông Tr, hiện bà còn thiếu ông Tr số tiền 3.000.000đ và số tiền này đã được Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết tại quyết định số 19/2019/QĐST-DS ngày 27/02/2019.

- *Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ông Huỳnh Văn Tr trình bày*: Ông xác định số tiền bà T nợ ông và tiền bà N kiện bà T là hai khoản tiền khác nhau. Đối với khoản tiền của ông cho bà T vay và được Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết xong tại quyết định số 19/2019/QĐST-DS ngày 27/02/2019 là tiền riêng của ông cho bà T vay, không liên quan đến số tiền của bà N (vợ ông) cho bà T vay.

- *Chị Trần Thúy P trình bày:* Chị là hàng xóm của bà Phan Thị N, bà Huỳnh Thị T, không bà con thân tộc gì. Trước đây chị có đến nhà bà N chơi thì có nghe bà N kể lại là cho bà T vay tiền, vay 03 lần với tổng số tiền là 15.000.000đ. Việc bà N cho bà T vay chỉ nghe bà N kể lại, chị không trực tiếp thấy việc giao nhận tiền giữa hai người, ngoài ra chị không biết thêm thông tin nào khác. Chị cam đoan lời trình bày của chị là đúng sự thật, nếu sai chị hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền: 15.000.000đ, bị đơn không thừa nhận và không đồng ý thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N xác định và trình bày bà có cho bà Huỳnh Thị T vay nhiều lần, gồm: Ngày 16/4/2016 âm lịch vay số tiền 8.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, mỗi tháng bà T đóng 240.000đ tiền lãi, bà T có đóng lãi được 04 tháng với số tiền 960.000đ; ngày 25/5/2016 âm lịch vay số tiền 5.000.000đ, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, mỗi tháng đóng 150.000đ tiền lãi, bà T có đóng lãi được 02 tháng với số tiền 300.000đ; ngày 16/8/2016 âm lịch vay số tiền 2.000.000đ, số tiền này bà T không có đóng lãi. Tổng cộng bà T vay vốn 15.000.000đ. Khi cho vay không làm biên nhận, khi giao tiền không có mặt ai khác ngoài bà và bà T. Đối với bà T không thừa nhận có vay tiền của bà N nên không đồng ý thanh toán. Trong khi đó bà N không chứng cứ chứng minh việc bà T có vay tiền, ngoài xác nhận của ông Nguyễn Hoàng H và chị Trần Thúy P. Tuy nhiên, chị P xác định có nghe bà N kể lại, chị không gặp bà T cũng không trực tiếp chứng kiến việc giao nhận tiền

giữa hai người, việc này cũng phù hợp với trình bày của bà N là khi cho vay chỉ có mặt bà N và bà T, ngoài ra không có ai khác. Việc những người hàng xóm biết là bắt nguồn từ việc bà N kể lại, chính bà N cũng thừa nhận việc này, do đó yêu cầu của bà N kiện đòi bà T số tiền 15.000.000đ là không cơ sở nên không được chấp nhận.

[3] Đối với việc bà T thừa nhận có vay tiền của ông Tr (chồng bà N) 10.000.000đ, đã trả được 7.000.000đ hiện còn nợ 3.000.000đ và đã được Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết tại quyết định số 19/2019/QĐST-DS ngày 27/02/2019 và ông Huỳnh Văn Tr xác định số tiền bà T nợ ông và tiền bà N kiện bà T là hai khoản tiền khác nhau, bà T còn nợ 3.000.000đ là tiền riêng của ông cho bà T vay, không liên quan đến số tiền 15.000.000đ của bà N (vợ ông) cho bà T vay nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn kiện đòi bị đơn bà Huỳnh Thị T hoàn trả số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bà Phan Thị N phải chịu 750.000đ. Ngày 04/3/2019 bà đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 375.000đ, tại biên lai số 0002127 được đối trừ, bà N phải nộp tiếp số tiền 375.000đ (chưa nộp).

+ Bà Huỳnh Thị T không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các diiêù 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà N, bà T, ông Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Thu